

Áp dụng dạy học theo dự án Đa trí năng nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Vinh

Lê Thị Tuyết Hạnh¹, Trần Thị Phương Thảo²,
Vũ Thị Hà³

¹ Email: hanhfran@gmail.com

² Email: phthaothv@gmail.com

³ Email: vuha2000@mail.ru

Trường Đại học Vinh
182 Lê Duẩn, thành phố Vinh,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

TÓM TẮT: *Thuyết Đa trí năng nhìn nhận năng lực con người theo nhiều cách khác nhau và được các nhà giáo dục tiếp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Bài viết đề cập đến kết quả nghiên cứu áp dụng việc dạy học theo dự án được thiết kế theo các trí năng khác nhau để nhìn thấy ảnh hưởng của dự án đó lên năng lực tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Vinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, dự án Đa trí năng đã có tác động tích cực lên sự phát triển năng lực ngôn ngữ của sinh viên. Tuy nhiên, những dự án này cho thấy kết quả tiến bộ rõ ràng hơn khi thời gian áp dụng dài hơn. Dựa trên những kết quả của nghiên cứu, bài báo cũng đưa ra những đề xuất kiến nghị giúp cho việc dạy và học tiếng Anh có hiệu quả hơn.*

TỪ KHÓA: Dạy học theo dự án; Đa trí năng; năng lực tiếng Anh; sinh viên đại học.

→ Nhận bài 06/11/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 02/12/2019 → Duyệt đăng 25/01/2020.

1. Đặt vấn đề

Thuyết Đa trí năng (ĐTN) ra đời năm 1983 là một kết quả nghiên cứu kỹ lưỡng, toàn diện của nhà tâm lý học Gardner (1983). Lí thuyết nhìn nhận trí tuệ con người là một yếu tố có tính đa dạng, tồn tại dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Việc áp dụng lí thuyết này vào giáo dục nói chung và vào ngoại ngữ nói riêng ngày càng rộng rãi. Đến nay, khá nhiều công trình nghiên cứu đến việc áp dụng Thuyết ĐTN vào việc học ngoại ngữ, từ những cuốn sách hướng dẫn việc áp dụng Thuyết này vào lớp học đến các công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành. Christison (2005) với cuốn “Multiple Intelligences and language learning” (ĐTN và việc học ngôn ngữ) đã đưa ra nhiều gợi ý hữu dụng cho giáo viên áp dụng Thuyết ĐTN vào việc dạy học ngoại ngữ. Các hoạt động dạy học phải dựa vào lứa tuổi, trình độ ngôn ngữ, loại hình trí năng,... Cuốn sách đầu tiên nói về việc áp dụng lí thuyết ĐTN phải kể đến là “A multiple intelligences Road to an ELT classroom” (Con đường ĐTN đến lớp học tiếng Anh) của Micheal Barman (1998). Cuốn sách cung cấp cho giáo viên dạy tiếng Anh rất nhiều thủ thuật để dạy tiếng Anh dựa trên nền tảng thuyết này. Bên cạnh đó, các nhà giáo dục nổi tiếng trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh như Mary Christison (1996, 1999, 2005), Campell (1997) đã cụ thể hóa lí thuyết trong các lớp học tiếng Anh với các chiến lược được thiết kế dựa vào nền tảng lí thuyết đó để nâng cao hiệu quả của việc dạy học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Bas (2008) lại cung cấp cho những giáo viên dạy trẻ em tám cách khác nhau để đưa Thuyết ĐTN vào trong lớp học. Ngoài ra, năm 2012, Bas tiếp tục đưa ra những đề xuất về việc xây dựng dự án dựa vào Thuyết ĐTN. Cho dù Thuyết ĐTN trong dạy học ngoại ngữ có những phản hồi tích cực nhưng cho đến nay, chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu tác động của Thuyết ĐTN lên việc phát triển năng lực ngoại

ngữ cho người học ở Việt Nam. Đây là nghiên cứu đầu tiên được tiến hành nhằm tìm hiểu sự áp dụng dạy học theo dự án được thiết kế dựa trên khung ĐTN và xem rằng những dự án này có thể giúp sinh viên (SV) Trường Đại học Vinh nâng cao năng lực tiếng Anh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nền tảng lí thuyết

2.1.1. Thuyết Đa trí năng và việc dạy ngoại ngữ

Thuyết ĐTN (Multiple Intelligences Theory) đã dần khẳng định được vị thế quan trọng trong các nền giáo dục. Các nghiên cứu trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh cũng góp một phần không nhỏ trong việc khẳng định mối quan hệ tích cực giữa Thuyết ĐTN và việc dạy - học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Arsmtrong (2009) nhận định rằng, Thuyết ĐTN sở hữu tiềm năng nên được tận dụng trong việc học ngôn ngữ vì nó cung cấp cho quá trình dạy học nhiều cách tiếp cận khác nhau... Đặc biệt, Richard and Rogers (2001) khẳng định lí thuyết này hỗ trợ việc dạy và học tiếng Anh thông qua việc cung cấp cho giáo viên các chiến lược giảng dạy và cách tiếp cận phong phú. Những bài học định hướng ĐTN tạo nguồn cảm hứng cho người học thông qua việc làm phong phú những cách tiếp thu nghĩa của từ. Morgan and Fonesca (2004) cũng nhận định tương tự. Ngoài ra, họ đã chi tiết hóa cách mà mỗi trí năng có thể được áp dụng để nâng cao hiệu quả dạy tiếng Anh nếu được sử dụng một cách phù hợp trong lớp học.

Việc áp dụng Thuyết ĐTN trong dạy học tiếng Anh cũng bắt đầu thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam. Những nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào việc tìm hiểu mối liên hệ của thuyết ĐTN với việc học từ vựng (Lê Thị Tuyết Hạnh - Lê Phạm Hoài Hương (2014); Trần Thị Ngọc Yên - Lê Thị Tuyết Hạnh (2015), và giữa Thuyết

ĐTNT và kỹ năng nói sản sinh (Châu Văn Đôn (2015)). Chưa có nghiên cứu nào được thực hiện để tìm mối liên hệ giữa dự án ĐTNT và năng lực tiếng Anh của người học.

2.1.2. Thuyết Đa trí năng và dạy học dự án

Dạy học theo dự án cũng đã áp dụng khá nhiều trong dạy học ngoại ngữ và đã ít nhiều mang lại một số lợi ích, như mang lại môi trường tự nhiên để người học tiếp nhận ngôn ngữ, giúp tăng động lực học cho người học (Brown và các tác giả khác, 1993; Stoller, 2006). “Dự án ĐTNT” trong nghiên cứu này được hiểu là những dự án dạy học tiếng Anh được thiết kế theo tính chất của một trong 8 trí năng của của con người mà Gardner (1983) đề ra trong Thuyết ĐTNT. Lí thuyết này đã được áp dụng vào ngành Giáo dục bằng nhiều con đường khác nhau, từ tầm vĩ mô với việc thiết kế mô hình trường, xây dựng chương trình học theo từng điểm mạnh của người học (dự án Project Zero của Trường Đại học Havard là một điển hình) cho đến những thiết kế hoạt động trong từng bài học trên lớp. Nicholson - Nelson (1998, p.73) đã tổng hợp được năm loại dự án áp dụng Thuyết ĐTNT để cá nhân hóa việc học của người học.

- Dự án ĐTNT: Loại hình này dựa vào một hoặc nhiều trí năng để thiết kế hoạt động nhằm phát triển một loại trí thông minh cụ thể nào đó.

- Dự án theo chương trình học: Loại hình này dựa vào những lĩnh vực nội dung chương trình học nhưng phân loại theo trí năng chương trình có thể tận dụng.

- Dự án theo chủ đề: Dự án này dựa vào một chủ đề trong chương trình học hoặc của một lớp học và phân chia chúng theo những trí năng khác nhau.

- Dự án dựa theo nguồn lực: Loại hình này được thiết kế nhằm cung cấp cho người học cơ hội tìm hiểu một chủ đề nào đó bằng cách sử dụng nhiều trí năng khác nhau.

- Dự án theo lựa chọn của người học: Loại hình này do người học tự thiết kế dựa vào trí năng cụ thể nào đó. Dựa vào những nền tảng lí thuyết nêu trên, nghiên cứu này được thực hiện dựa vào loại hình dự án 3 nêu trên: Dự án theo chủ đề.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng tham gia nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện với 202 SV đang học tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh. Những SV này đang học ở 5 nhóm lớp khác nhau. Trong đó, 120 SV (3 lớp) được đưa vào nhóm thực nghiệm và 82 SV còn lại được đưa vào 2 nhóm đối chứng. Tất cả những SV này đều là SV năm thứ nhất. Độ tuổi từ 19 đến 21 tuổi. Họ đều theo học cùng chương trình tiếng Anh chung ở Trường Đại học Vinh.

Có 3 giảng viên tham gia dạy thực nghiệm và 2 giảng viên dạy ở các lớp đối chứng. Những giảng viên này đều có kinh nghiệm dạy tiếng Anh ở trường đại học từ 5 đến 10 năm. Ba giảng viên dạy thực nghiệm đã được lựa chọn và được tập huấn về dạy học theo dự án. Họ phải tuân theo một số quy tắc dạy theo dự án trí năng của nhóm nghiên cứu đề ra. Những nguyên tắc được thiết kế nhằm đảm bảo các giảng viên thực hiện chỉ dẫn SV dự án một cách đồng bộ.

2.2.2. Công cụ nghiên cứu

a. Bảng tiêu chí đánh giá dự án

Tiêu chí đánh giá dự án được chia làm 3 phần; Phần 1 dùng để đánh giá sản phẩm dự án, bao gồm poster và sản phẩm viết; Phần 2 dùng để đánh giá khả năng thuyết trình của nhóm hoặc cá nhân; Phần 3 được thiết kế thành nhật kí nhóm. Công cụ này được giao cho nhóm trưởng đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các thành viên. Bảng tiêu chí đánh giá được cung cấp cho SV trước khi tiến hành thực nghiệm.

b. Phỏng vấn sâu

Những câu hỏi phỏng vấn sâu được tiến hành sau khi kết thúc dự án. Những cuộc phỏng vấn này diễn ra theo nhiều cách khác nhau: trực tiếp trên lớp, nhất là sau khi dự án hoàn thành, thông qua các trang mạng xã hội như Facebook và Zalo hoặc qua điện thoại. Câu hỏi nghiên cứu được thực hiện tập trung vào các nội dung sau:

- Cảm nghĩ về dự án;
- Những khó khăn và thuận lợi khi học với dự án ĐTNT;
- Những gì đạt được qua việc học dự án trí năng.

c. Bài kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào của SV

Bài kiểm tra này được lấy từ bộ đề đã qua sử dụng của tổ chức khảo thí quốc tế Cambridge là bộ đề thi KET. Độ khó của bộ đề tương đương trình độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Đây là bộ đề thi đã được xác định kỹ lưỡng và đưa vào sử dụng trên phạm vi toàn cầu. Do vậy, đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy của bài thi, đánh giá đúng năng lực SV tham gia nghiên cứu. SV được yêu cầu làm bài thi nghiêm túc trong vòng 70 phút.

d. Bài kiểm tra cuối kì

Bài kiểm tra cuối kì được thiết kế bởi tổ bộ môn tiếng Anh không chuyên Trường Đại học Vinh và được xem như bài kiểm tra đầu ra của nhóm SV tham gia nghiên cứu. Bài kiểm tra được lấy từ ngân hàng đề thi của giáo trình Life (Hughes, 2015). Độ khó của đề phụ thuộc vào nội dung giảng dạy trong sách, tương đương trình độ A2+. Cả bài kiểm tra học kì một và học kì hai đều có cùng cấu trúc và với độ khó tăng dần trong sách học của SV. Cấu trúc của đề thi như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1: Cấu trúc đề thi cuối học kì

Phần	Số câu	Nội dung	Điểm
1	15	Từ vựng - ngữ pháp	3
2	20	Đọc - hiểu, điền từ và nối câu	5
3	1	Viết đoạn (50 từ ở học kì 1 và 100 từ ở học kì 2)	2
Tổng	36		10

SV được yêu cầu làm bài thi với thời gian 90 phút. Quy trình cắt phách và chấm điểm được tuân theo quy định của Trường Đại học Vinh.

e. Dự án ĐTNT

Dự án ĐTNT được thiết kế theo các bài học tương ứng.

Nội dung của dự án sẽ được thiết kế dựa vào nội dung của chủ đề bài học. Cuối mỗi dự án, người học được xác định sẽ phải đạt được các kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ cũng như thái độ mà bài học đặt ra. Ví dụ, ở bài 5 có nội dung về môi trường, SV sẽ được yêu cầu thực hiện một dự án liên quan đến việc môi trường và bảo vệ môi trường xung quanh mình. Kiến thức ngôn ngữ cần đạt được là những từ ngữ vựng, cấu trúc liên quan đến môi trường, bảo vệ môi trường được học trong bài học. Kỹ năng ngôn ngữ cần đạt được là kỹ năng áp dụng các kiến thức ngôn ngữ đã học để thể hiện các ý tưởng về môi trường thông qua các sản phẩm dưới nhiều hình thức trí năng khác nhau. Thái độ được lưu ý ở đây là ý thức bảo vệ môi trường xung quanh. Có tất cả 5 dự án cho mỗi kì và mỗi dự án kéo dài trong vòng 3 tuần. Dự án được đánh giá dựa vào 2 yếu tố: Quá trình thực hiện dự án và sản phẩm dự án.

2.2.3. Quy trình thực hiện nghiên cứu

Nghiên cứu bán thực nghiệm này được khởi động bằng việc kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào của SV không chuyên ngữ. Sau khi khảo sát tuần đầu tiên của học kì 1, năm lớp có hồ sơ trí năng cũng như năng lực tiếng Anh khá đồng đều được chọn: 3 lớp làm nhóm thực nghiệm và 2 lớp được chọn làm nhóm đối chứng.

Thực nghiệm được tiến hành vào tuần thứ hai của học kì 1. Trước khi tiến hành thực nghiệm, 3 giáo viên trong lớp thực nghiệm đã có một buổi tập huấn, giới thiệu về Thuyết ĐTN, về mục đích nghiên cứu của nhóm và tập huấn cách thức triển khai dự án trong các lớp. Các giáo viên trong nhóm đối chứng vẫn dạy theo cách thông thường.

Mỗi dự án được tiến hành trong vòng 2 tuần, có 5 dự án cho mỗi học kì, dự án sau được giao cách 1 tuần sau khi dự án đầu kết thúc. Buổi đầu tiên, giảng viên sẽ hướng dẫn cho SV cách thức thực hiện các dự án, cung cấp các tiêu chí chấm điểm và nhật kí làm việc nhóm cho nhóm trưởng. Điểm sản phẩm là điểm tổng của sản phẩm và nhật kí nhóm. Kết quả của dự án được giảng viên thu thập lại và lưu trong hồ sơ bảng điểm của mình. Điểm này được công bố công khai trước lớp.

Trong quá trình thực hiện dự án, SV được khuyến khích liên lạc với giảng viên để xin tư vấn nếu có vấn đề gì chưa rõ. SV có thể liên hệ qua email, điện thoại hoặc qua các trang mạng xã hội thịnh hành. Tất cả SV đều tham gia vào kì thi cuối học kì 1 và học kì 2 để lấy điểm học phần. Điểm học phần này sau đó được nhóm nghiên cứu tổng hợp và phân tích để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu chính về ảnh hưởng của dự án trí năng và năng lực tiếng Anh của SV tham gia trong nghiên cứu.

2.3. Kết quả nghiên cứu

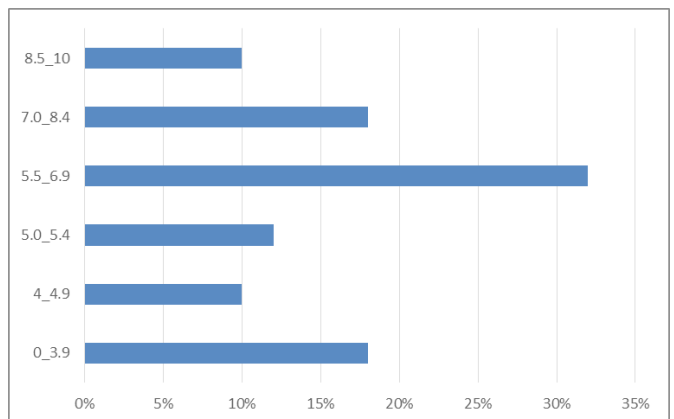
Sau 30 tuần áp dụng, SV đã trải qua hai bài kiểm tra cuối kì 1 và học kì 2. Các kì thi này được diễn ra một cách nghiêm túc theo đúng quy định của nhà trường. Kết quả của kì thi sau đó được dùng để phân tích và đối sánh giữa hai nhóm đối chứng và ba nhóm thực nghiệm (xem Bảng 2).

Bảng 2: Kết quả điểm trung bình của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm

Điểm kiểm tra cuối kì	N	Mean	Std. Deviation	Sig.	
Nhóm đối chứng	Học kì 1	82	6.64	.58	0.12
	Học kì 2	82	7.02	.68	
Nhóm thực nghiệm	Học kì 1	116	6.78	.37	0.00
	Học kì 2	116	7.3	.52	

Nhìn vào Bảng 2, ta thấy điểm trung bình học kì 1 của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm có sự chênh lệch không đáng kể. Nhóm thực nghiệm chỉ hơn nhóm đối chứng 0.14 điểm và sự chênh lệch này không hề có ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, sang học kì 2, khi thực nghiệm đã kéo dài đến tuần thứ 30 thì kết quả đã bắt đầu thay đổi. Sự chênh lệch của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng so với điểm học kì 1 tương ứng là 0.38 và 0.52. Như vậy, ở cả hai nhóm đều có sự tăng lên có ý nghĩa thống kê (Sig = 0.00 < 0.5), nhưng nhóm thực nghiệm có độ lệch cao hơn nhóm đối chứng là 0.14.

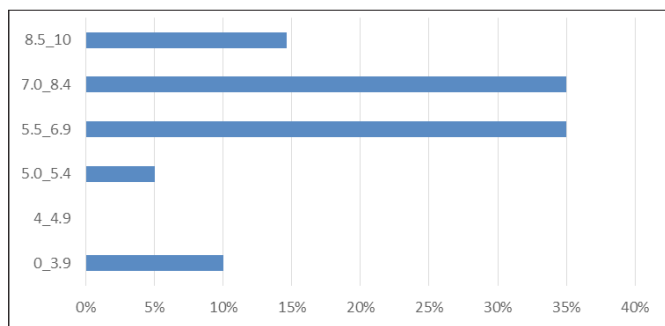
Kết quả thống kê cũng cho ta thấy tỉ lệ SV đạt điểm theo yêu cầu (≥ 4) chiếm 82% ở học kì 1 và 90% ở học kì 2. Biểu đồ 1 và Biểu đồ 2 minh họa theo thang điểm chữ F: (0-3.9); D (4- 4.9); D+ (5.0-5.4); C (5.5-6.9); B (7.0-8.4) và A (8.5-10).



Biểu đồ 1: Thống kê điểm của học kì 1

Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy rằng, điểm tổng của hai học kì có sự chênh lệch đáng kể. Nếu như học kì một, các nhóm SV thực nghiệm có số điểm không đạt chuẩn là 18% thì ở học kì 2 tỉ lệ đó chỉ còn 10%. Bên cạnh đó, tỉ lệ cao nhất thuộc về điểm C (5.5-6.9) ở học kì 1, sang học kì 2 tỉ lệ đó đã thuộc về thang điểm B (7.0-8.4) với 35%. Đặc biệt, kết quả điểm của 15 câu từ vựng ngữ pháp trong bài thi cuối kì được nâng lên rõ rệt. Nếu ở học kì 1 SV của lớp thực nghiệm chỉ đúng 70% thì sang học kì hai là 85%. Trong khi đó, nhóm thực nghiệm chỉ đúng 70% ở học kì 1 và học kì hai là 85%.

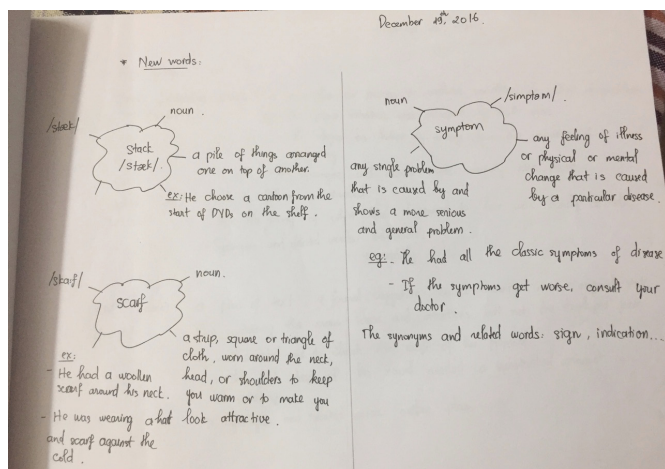
Đối với phần viết, các bài viết của nhóm thực nghiệm có số lượng từ nhiều và phong phú hơn. Mặc dù cấu trúc câu



Biểu đồ 2: Thống kê điểm của học kì 2

còn nhiều lỗi nhưng họ vẫn có điểm về từ vựng và ý tưởng cho yêu cầu đề. Vì lí do bảo mật đề thi nên các ví dụ minh họa không được đưa ra ở trong nghiên cứu này để minh chứng. Bên cạnh những lợi ích, dự án trí năng vẫn còn một số bất cập. Một số SV vẫn còn phàn nàn về việc dự án làm họ mất khá nhiều thời gian vào môn học này vì họ phải dành nhiều thời gian hơn để hoàn thiện dự án.

Kết quả của những cuộc phỏng vấn sâu sau khi SV hoàn thành dự án cho thấy, phần lớn các SV thú nhận là họ bổ sung được vốn từ vựng về vấn đề liên quan. Ví dụ, học về Nature (unit 12, p.141-152), có SV đã tự học thêm từ vựng về động vật bằng cách sử dụng màu sắc và sơ đồ tư duy. SV khác thì lại sử dụng cách trình bày qua các loại từ, hình ảnh, định nghĩa và ví dụ của những từ đó (xem Hình 1).



Hình 1: Ví dụ về học từ vựng của SV

Nhiều SV cũng chia sẻ trong khi được phỏng vấn rằng việc thay đổi phương pháp học từ vựng nhờ thuyết ĐTN. Trước đây, các em cũng chỉ học từ vựng bằng cách viết vào giấy và dán lên tường. Sau khi học với dự án ĐTN, họ đã biết cách phong phú hóa phương pháp học và nhận thấy có một số phương pháp phù hợp hơn với phương pháp truyền thống lâu nay họ vẫn dùng.

Dữ liệu phỏng vấn sâu cũng cho thấy dự án ĐTN ít nhiều giúp SV mở rộng phạm vi tìm kiếm tài liệu, vì dự án không phải đơn thuần là bài tập chỉ có giấy và bút, nên họ buộc phải huy động các khả năng tìm kiếm tài liệu online hoặc từ các nguồn khác ngoài sách học và giáo viên, có nhóm phải huy động nguồn vật liệu cần thiết cho sản phẩm của họ. Sự

tìm tòi này giúp họ dần dần chủ động hơn trong các dự án sau đó. Giáo viên của các nhóm thực nghiệm còn khuyến khích người học tìm cho mình những trang web phù hợp nhất với khả năng của mình để sử dụng. Điều đó cũng góp phần làm thay đổi phương pháp học truyền thống của SV, giúp các em học có hiệu quả hơn.

Nói tóm lại, nhóm thực nghiệm được học với dự án ĐTN có số điểm kiểm tra cao hơn nhóm đối chứng. Hơn nữa, số điểm trung bình tăng lên của nhóm thực nghiệm giữa học kì 1 và học kì 2 là đáng kể. Ngoài việc đòi hỏi người học phải tạo ra sản phẩm bằng cách tìm nhiều nguồn tài liệu khác nhau, Dự án ĐTN còn tạo điều kiện để người học phát huy thế mạnh của mình qua các trải nghiệm với sở trường của mình.

2.4. Thảo luận

Qua các số liệu thống kê, kết quả của thực nghiệm đã chỉ ra rằng, SV ở nhóm thực nghiệm với dự án ĐTN có số điểm trung bình của môn tiếng Anh cao hơn số điểm của nhóm đối chứng. Nói cách khác, dự án thiết kế theo thuyết ĐTN giúp cho SV học tiếng Anh hiệu quả hơn. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đây (Bas & Byhan, 2010; Soleimani et al, 2012). Kết quả này có thể được giải thích bởi việc áp dụng phong phú các yêu cầu của dự án, giúp dự án tiếp cận và phát triển được nhiều năng lực tiềm ẩn của người học hơn. Trong khi đó, lớp học truyền thống chỉ tập trung vào phát triển những kĩ năng liên quan đến ngôn ngữ. Tuy nhiên, sự tăng lên có ý nghĩa thống kê này chỉ xuất hiện ở học kì 2 của năm học, còn đối với học kì 1 thì sự tăng lên đó là không có ý nghĩa thống kê. Kết quả này một lần nữa khẳng định rằng, khi áp dụng thuyết ĐTN trong lớp học, cần tính đến thời gian áp dụng. Khả năng của con người không thể thay đổi một cách nhanh chóng, cần phải có một lộ trình chặt chẽ giúp người học làm quen với cách tiếp cận mới và đủ tự tin để phát huy các khả năng tiềm ẩn của mình.

Kết quả của nghiên cứu cũng chỉ ra động cơ học tập của SV tăng lên thông qua việc người học tự tìm tòi phương pháp học yêu thích của mình. Việc dạy học truyền thống lâu đời đã làm cho người học an phận với các cách học cũ. Dự án ĐTN đã giúp người học nhận thức được các tiềm năng của mình và hài lòng hơn với những phương pháp phù hợp với cách học của mình. Và như các nghiên cứu đã chỉ ra ở chương 2, động cơ học tập đã giúp cho người học tiến bộ trong việc học của mình.

3. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu tác động của dự án ĐTN lên năng lực tiếng Anh của SV không chuyên Trường Đại học Vinh. Kết quả đã chỉ ra rằng, dự án ĐTN đã giúp cho năng lực ngoại ngữ của SV ở nhóm thực nghiệm tăng cao hơn những SV ở nhóm đối chứng. Sự tăng lên thật sự có ý nghĩa ở học kì 2 áp dụng. Từ những kết quả trên, một số kiến nghị được đề xuất như sau:

- Nghiên cứu chỉ ra rằng, trong quá trình học SV còn phụ thuộc quá nhiều vào nguồn học truyền thống, đó là sách

giáo khoa và giảng viên trong quá trình học của mình. Một trong những ngầm định cho vấn đề này là giảng viên cần giới thiệu cho SV những nguồn học khác phong phú hơn. Ví dụ như những nguồn học liệu trên các phần mềm đáng tin cậy trên Internet hoặc khuyến khích các em tham gia vào các câu lạc bộ tiếng Anh để tăng khả năng giao tiếp cũng như sự tự tin của mình.

- Nghiên cứu này cũng đưa ra những đề xuất trong việc đánh giá. Những kì thi kiểm tra trên giấy chỉ phù hợp cho những SV có trí năng hướng nội và trí năng ngôn ngữ cao, còn những SV khác phải chịu thiệt thòi. Chính vì vậy, quy trình đánh giá cần được phong phú hóa hơn, vừa áp dụng

những biện pháp định lượng, vừa áp dụng những biện pháp định tính nhằm tạo đều cơ hội cho các nhóm trí năng được thể hiện thế mạnh của mình.

- Kết quả cũng chỉ ra rằng, việc áp dụng dự án để có kết quả tích cực trong việc học tiếng Anh không thể diễn ra trong một thời gian ngắn. Chính vì vậy, thời gian một năm là ít nhất để dự án ĐTN phát huy tác dụng tích cực của nó.

Việc áp dụng dự án ĐTN ít nhiều cũng tạo áp lực lên người học cũng như lên bản thân giảng viên. Chính vì vậy, khi áp dụng dự án ĐTN, các yếu tố thời gian, năng lực SV cần được tính toán cẩn thận để dự án có thể có kết quả tốt nhất.

Tài liệu tham khảo

- [1] Anderson, N. J, (2005), *L2 learning strategies*, In E.Hinkel (Ed.), *Handbook of research in second language teaching and learning* (pp.757-771), Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum Associates.
- [2] Armstrong, T, (2009), *When the cultures connect: Multiple Intelligences theory as a successful American support to other countries*, In Chen, J.Q., Moran, S., Gardner, H. (Eds), *Multiple Intelligences around the world* (pp.17-26), NY, USA: Jossey-Bass.
- [3] Berman, M., (1998), *A Multiple Intelligences road to an ELT classroom*, Williston, USA: Crown House Publishing Ltd.
- [4] Christison, M. A, (2005), *Multiple intelligences and language learning*, A guidebook of theory, activities, inventories, and resources, San Francisco, CA: Alta Book Center.
- [5] Gardner, H, (1983), *Frames of Mind: The theory of multiple intelligences*, New York, NY: Basic Books.
- [6] Lê Phạm Hoài Hương - Lê Thị Tuyết Hạnh, (2014), *Thông minh ngôn ngữ với việc dạy - học từ vựng tiếng Anh*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, 6(224), 36-40.
- [7] Lê Thị Tuyết Hạnh, (2017), *Thuyết Đa trí năng và ngầm định cho giáo dục*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 137, tr.75-78.
- [8] Nicholson-Nelson, K, (1998), *Developing students' Multiple Intelligences*, New York, NY: Scholastic Professional Books.
- [9] Richards, J. C - Rodgers, T. S, (2014), *Approaches and methods in language teaching (3rd ed.)*, Cambridge, England: Cambridge University Press.
- [10] Tran Thi Ngoc Yen - Le Thi Tuyet Hanh, (2015), *Multiple Intelligences theory and EFL learners' word retention*, The 6th International conference proceeding, SEMEO RETRAC, HCM city, Vietnam: SEMEO RETRAC.

APPYING MI-BASED PROJECTS TO IMPROVE EFL STUDENTS' ENGLISH PROFICIENCY AT VINH UNIVERSITY

Le Thi Tuyet Hanh¹, Tran Thi Phuong Thao²,
Vu Thi Ha³

¹ Email: hanhfran@gmail.com

² Email: phthaothv@gmail.com

³ Email: vuha2000@mail.ru

Vinh University

182 Le Duan, Vinh city, Nghe An province,
Vietnam

ABSTRACT: *The Multiple Intelligences (MI) Theory, which studies people's potentials differently, has attracted much attention from educators all over the world. This study was conducted among English Foreign Language (EFL) students at Vinh University in order to see if MI-based projects have any positive influence on students' English proficiency. The findings show that the application helped improve students' English language skills. However, the improvement was more significant for a longer time of implementation. On the basis of the findings, the paper suggests some solutions for an effective English teaching and learning at university level.*

KEYWORDS: Project-based teaching; multiple Intelligences theory; English proficiency; EFL university students.